

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số

Tên đề tài: **Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

Mã số: KHCN/14-19/X05

Thuộc: Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng chiến lược và đề xuất hệ giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến 2020, tầm nhìn 2035.

Mục tiêu cụ thể

+ Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015; làm rõ nhu cầu về nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao đối với phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2035.

+ Xây dựng luận cứ khoa học, đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực nhằm phục vụ phát triển bền vững cho vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2035.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS.TS. Đặng Nguyên Anh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Xã hội học

5. Tổng kinh phí thực hiện: 2.650 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.650 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 12/2015

Kết thúc: tháng 12/2017

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Tháng 12/2015 đến tháng 5/2018 (gia hạn 06 tháng)

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

| Số TT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | Cơ quan công tác |
|-------|------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Đặng Nguyên Anh | Giáo sư Tiến sĩ - Chủ nhiệm ĐT | Viện Xã hội học |
| 2 | Nguyễn Đức Vinh | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện Xã hội học |
| 3 | Nguyễn Đức Chiện | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện Xã hội học |
| 4 | Lê Thanh Sang | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ |
| 5 | Bùi Tất Thắng | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện Chiến lược chính sách - Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Mạc Văn Tiến | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề - Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội |
| 7 | Lưu Bích Ngọc | Phó Giáo sư Tiến sĩ | Viện nghiên cứu Dân số và các vấn đề xã hội - Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 8 | Đinh Ngọc Quý | Thạc sĩ | Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội |
| 9 | Trần Nguyệt Minh Thu | Tiến sĩ | Viện Xã hội học |
| 10 | Đỗ Thị Lệ Hằng | Tiến sĩ | Viện Tâm lý học |
| 11 | Nguyễn Thị Minh Phương | Tiến sĩ | Viện Xã hội học |
| 12 | Nguyễn Như Trang | Thạc sĩ | Viện Xã hội học |

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| Số TT | Tên sản phẩm | Số lượng | | | Khối lượng | | | Chất lượng | | |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|-----------|
| | | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Báo cáo tổng hợp | | X | | | X | | | X | |
| 2 | Báo cáo tóm tắt | | X | | | X | | | X | |
| 2 | Báo cáo kiến nghị | | X | | | X | | | X | |
| 3 | Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững Tây Nam Bộ đến 2020, tầm nhìn 2035 | | X | | | X | | | X | |
| 4 | Báo cáo định kỳ (03 báo cáo) | | X | | | X | | | X | |
| 5 | Bài đăng Tạp chí (06 bài) | | X | | | X | | | X | |
| 6 | Sách chuyên khảo “Phát triển nhân lực chất lượng cao để phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” | | X | | | X | | | X | |
| 7 | Đào tạo 01 Thạc sỹ đã bảo vệ thành công năm 2016 Đào tạo 01 NCS Tiến sỹ Xã hội học, dự kiến bảo vệ tháng 4/2019 | | X | | | X | | | X | |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian dự kiến ứng dụng | Cơ quan dự kiến ứng dụng | Ghi chú |
|-------|--------------|----------------------------|--------------------------|---------|
| 1 | | | | |

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian ứng dụng | Tên cơ quan ứng dụng | Ghi chú |
|-------|--------------|--------------------|----------------------|---------|
| 1 | | | | |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đề tài nghiên cứu “*Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*” được thực hiện trong bối cảnh khu vực đang trải qua những cơ hội và thách thức dưới tác động của biến đổi khí hậu và môi trường, đô thị hóa, di cư, tiến bộ kỹ thuật và Cách mạng công nghiệp 4.0,... Đề tài tập trung giải quyết những vấn đề mà các công trình khoa học trước đây chưa đi sâu và chưa xem xét đầy đủ. Qua đó, góp phần bổ sung vào hệ thống các công trình khoa học ở Việt Nam về lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao trên địa bàn vùng Tây Nam Bộ.

Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao là nhân tố có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển bền vững của Tây Nam Bộ cũng như của cả nước trong quá trình hội nhập. Đề tài đã góp phần xây dựng chiến lược và đề xuất hệ giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2035. Trên cơ sở đánh giá thực trạng nguồn nhân lực Tây Nam Bộ, đề tài đã làm rõ và dự báo được nhu cầu nhân lực đến 2040 nhằm phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ

Có thể nói, nguồn nhân lực của khu vực này dồi dào về số lượng lao động khá lớn so với các khu vực khác do quy mô dân số đông, đang nằm trong thời kỳ “dân số vàng”. Trong thời gian qua, việc phát triển nguồn nhân lực Tây Nam Bộ chủ yếu tập trung vào nâng cao dân trí, đào tạo kỹ năng, nâng cao quy mô đào tạo đại học phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội của vùng nói chung, mà chưa thực sự dựa trên quan điểm phát triển bền vững. Cơ cấu kinh tế nhỏ và phân tán chưa cho phép phát huy được những lợi thế so sánh của vùng. Khi so sánh Tây Nam Bộ với các vùng miền khác thì trình

độ và chất lượng nguồn nhân lực khu vực này vẫn còn thấp, chưa đáp ứng được đúng yêu cầu phát triển của vùng.

Đặc trưng trên được thể hiện qua tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp trong khi tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm còn cao. Nông nghiệp là một thế mạnh của Tây Nam Bộ, nhưng xu hướng chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đang thể hiện khá rõ nét, nhất là dịch chuyển sang khu vực không chính thức. Nhân lực đang làm nông nghiệp hiện nay ở các địa phương Tây Nam Bộ là những lao động lớn tuổi không có khả năng chuyển đổi công việc, và đang bị tụt hậu so với mặt bằng chung của cả nước. Nhiều lao động bị nghỉ việc từ các khu công nghiệp (do quy định không tuyển dụng lao động phổ thông sau 35 tuổi) nay quay về quê hương cần có thu nhập và việc làm nhưng không thể bố trí được, hậu quả là thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng ở nhiều địa phương trong vùng. Trong khi đó, cha mẹ và bản thân thanh niên có tâm lý không thích học nghề mà thi vào đại học khiến cho các trường cao đẳng nghề không thu hút và không đào tạo được các nhân lực trẻ cần thiết cho khu vực. Đào tạo nhân lực của Tây Nam Bộ chưa dựa trên cơ sở nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp.

Kết quả phân tích cho thấy phân đông các doanh nghiệp hiện có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, phản ánh rõ nét một khoS. Số lượng lao động đã qua đào tạo rất thấp, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng. Tình trạng nhân lực chưa đáp ứng được cả về số lượng và về chất lượng diễn ra phổ biến. Nhiều doanh nghiệp tuyển dụng lao động nhưng phải đào tạo lại, và việc đào tạo lại nguồn lao động khiến cho các doanh nghiệp bị tốn kém thời gian và kinh phí, quay lưng lại với tuyển dụng nhân lực. Chỉ khi chất lượng nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp tốt mới có thể tạo ra sản phẩm nông nghiệp đáp ứng được các yêu cầu trong nước cũng như trên thị trường quốc tế mà Tây Nam Bộ có ưu thế.

Theo kết quả dự báo của đề tài, để đáp ứng được yêu cầu phát triển mà cụ thể là để đạt được tốc độ tăng trưởng cao thì đến năm 2035, Tây Nam Bộ phải huy động được quy mô nhân lực tăng gấp 5 lần quy mô nhân lực của năm 2015. Muốn vậy, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ phải có những chính sách, cơ chế đột phá, có hiệu quả để đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao nhằm

tạo ra nguồn cung nhân lực chất lượng cao trong nội vùng. Rõ ràng là, phát triển nhân lực vùng Tây Nam Bộ chưa dựa trên nhu cầu và xu hướng phát triển của vùng, chưa dựa trên dự báo trung hạn và dài hạn. Chưa xây dựng được hệ thống giám sát, đánh giá phát triển nhân lực và nhân lực chất lượng cao của vùng.

Kết quả của đề tài một lần nữa khẳng định rằng Tây Nam Bộ cần có cơ chế, chính sách để phát triển nguồn nhân lực theo hướng đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững. Đương nhiên, cần cải thiện cả chất lượng đường xá, cơ sở hạ tầng, logistics và cần có một thị trường việc làm tương xứng với tiềm năng của vùng, trên cơ sở đó nâng cao năng suất nhằm cải thiện nguồn thu nhập và chất lượng cuộc sống của người lao động, các hộ gia đình, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả nghiên cứu, đào tạo

- Kết quả khảo sát của đề tài tại 5 tỉnh Tây Nam Bộ đã cho thấy hiệu quả của nhiệm vụ về nghiên cứu, đào tạo. Đề tài đã góp phần tăng cường năng lực cho các tổ chức tham gia, bao gồm cơ quan chủ trì thực hiện và các cơ quan phối hợp nghiên cứu, cũng như đội ngũ cán bộ nghiên cứu thuộc các cơ quan nói trên.

- Đề tài đã xem xét một số lý thuyết phát triển nguồn nhân lực với nội hàm bao gồm thuyết kinh tế học, thuyết tâm lý học và thuyết hệ thống, trên cơ sở đó lý giải và đánh giá vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển bền vững ở cấp độ quốc gia, khu vực và tổ chức, trong đó có các tỉnh Tây Nam Bộ.

- Đề tài cũng đã góp phần hoàn thiện các tư liệu và dữ liệu về nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao, đóng góp quan trọng cho các cơ quan khoa học và hoạch định chính sách, cũng như các giảng viên và sinh viên tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng.

- Tạo điều kiện cho các học viên cao học, các nghiên cứu sinh tại cơ quan chủ trì và tham gia có thể tiếp nhận được các tư liệu và sử dụng số liệu

được thu thập từ cuộc khảo sát tại Tây Nam Bộ. Đề tài góp phần đào tạo 01 học viên cao học và 01 nghiên cứu sinh trong thời gian thực hiện.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài, bao gồm các báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị và các bài báo khoa học được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, học tập tại Học viện Khoa học xã hội và các cơ quan khác trong và ngoài Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

3.2. Hiệu quả xã hội

- Các báo cáo đề xuất, kiến nghị và cơ sở dữ liệu của đề tài cung cấp các luận cứ khoa học quan trọng cho việc xây dựng đường lối, chủ trương và giải pháp về đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu PTBV của khu vực Tây Nam Bộ cũng như của

- Các hoạt động điều tra, khảo sát, phỏng vấn, hội thảo và tọa đàm khoa học của đề tài góp phần làm thay đổi và nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý các cấp và người dân ở Tây Nam Bộ về các yêu cầu của PTBV vùng; về việc hoạch định, thực thi và sửa đổi chính sách PTBV và vai trò của các bên trong quá trình PTBV vùng.

- Các bài báo khoa học được công bố đã góp phần thay đổi nhận thức của xã hội về các vấn đề liên quan đến PTBV vùng nói chung, và PTBV vùng Tây Nam Bộ nói riêng.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*)

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)

GS.TS. Đặng Nguyên Anh

PGS.TS. Nguyễn Đức Vinh